

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 12 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Quý Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài;

2. Bà Phạm Thị Bông.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hoàng Anh- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diên- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng mở phiên toà xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 209/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025; **Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2025** giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Tạ Văn Anh**, sinh ngày 03/8/1988;

Nơi đăng ký thường trú: thôn H, xã T, thành phố Hải Phòng.

Chỗ ở hiện nay: Đội 13, thôn A, xã T, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030188008386.

- **Bị đơn:** Anh **Phạm Văn Nền**, sinh ngày 11/5/1986;

Nơi đăng ký thường trú: thôn H, xã T, thành phố Hải Phòng.

Chỗ ở hiện nay: thôn C, xã T, thành phố Hải Phòng.

Số căn cước công dân: 030086022233.

- **Người làm chứng:**

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh ngày 1965; Đội 13, thôn A, xã T, thành phố Hải Phòng.

Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N, bà C đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Tạ Vân A trình bày: Chị và anh Phạm Văn N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 31/12/2009 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới tại địa phương. Sau ngày cưới chung sống tại thôn A, xã T (nay là xã BTM, thành phố Hải Phòng). Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2021 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng bế tắc, thậm chí xảy ra xô xát. Chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2024 đến nay. Vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm chị về nhà bố mẹ đến nay không ai quan tâm gì đến ai. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân vợ chồng đều không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, thậm chí thi thoảng chị về thăm con (cháu M) thì vợ chồng không nói chuyện với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, sống ly thân một thời gian dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn N để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quang M, sinh ngày 05/10/2010 và Phạm Văn H, sinh ngày 13/02/2024. Hiện con chung Phạm Quang M đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng, con chung Phạm Văn H đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Văn H, con chung Phạm Quang M giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị tự nguyện không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cùng chị đến khi con thành niên.

Hiện tại chị đang làm lao động tự do, thu nhập khoảng 5- 6 triệu/tháng. Chị cùng con chung Phạm Văn H đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn A, xã T. Bố mẹ chị còn khỏe, có thời gian hỗ trợ chị chăm sóc con khi chị đi làm. Nhà cửa, đất đai của bố mẹ chị rộng rãi, đầy đủ tiện nghi đảm bảo điều kiện cho chị nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Phạm Văn N đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa. Tòa án tiến hành về địa phương làm việc lấy lời khai của anh Phạm Văn N. Anh xác định về điều kiện kết hôn như chị Vân A trình bày, anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn mà do chị Vân A giận dỗi gửi đơn ra Tòa án, anh xác định vợ chồng không ly thân mà chị Vân A chỉ về ngoại chơi. Anh sẽ động viên chị Vân A rút đơn về vợ chồng đoàn tụ. Do xác định vợ chồng không có mâu thuẫn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị Vân A trình bày. Anh làm nghề buôn bán tự do, thời gian làm việc linh hoạt, thu nhập bình quân lúc nhiều, lúc ít (thu nhập của anh không ổn định có lúc vài triệu/tháng, có lúc 10-15 triệu/tháng, có lúc trên 40 triệu). Vợ chồng đã có nhà riêng, đất đai, nhà cửa khang

trang, rộng rãi, bố mẹ anh ở gần thường xuyên hỗ trợ vợ chồng nuôi con. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến gì về việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Do không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến gì. Anh xác định sẽ không lên Tòa án làm việc.

Tại biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị C (là mẹ đẻ chị Vân A) trình bày: **Chị Vân A và anh N** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2009 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới tại địa phương. Sau ngày cưới anh chị sinh sống tại thôn A, xã T (nay là xã BTM, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị Vân A đã bỏ về nhà bà sinh sống từ đầu năm 2024 đến nay không ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, không có biện pháp gì đoàn tụ. Nay chị Vân A làm đơn xin ly hôn với anh N bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Vân A.

Về con chung: Chị Vân A và anh N có 02 con chung là Phạm Quang M, sinh ngày 05/10/2010 và Phạm Văn H, sinh ngày 13/12/2024. Hiện cháu M đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H đang do chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Vân A và cháu H đang sinh sống cùng vợ chồng bà ở thôn A, xã T, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng bà làm lao động tự do, thu nhập khoảng vài triệu đồng/tháng và có thời gian hỗ trợ chị Vân A chăm sóc cháu H khi chị Vân A đi làm. Nhà cửa, đất đai của gia đình bà rộng rãi, đầy đủ tiện nghi, đảm bảo điều kiện để chị Vân A nuôi con với điều kiện tốt nhất. Ngoài ra, vợ chồng bà còn hỗ trợ chị Vân A trong việc chăm sóc, đưa đón cháu H

Qua xác minh tại thôn C, xã T, thành phố Hải Phòng nơi anh N sinh sống cung cấp: Anh N và chị Vân A kết hôn hợp pháp, anh N có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T nhưng sinh sống và có nhà ở thôn C, xã T từ năm 2009, Đến năm 2024 vợ chồng anh, chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị Vân A ghen tuông, anh chị ly thân từ khi nào thì không nắm được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh N và chị Vân A có 02 con chung là Phạm Quang M và Phạm Văn H, địa phương cũng không nắm được các con chung của anh, chị hiện đang ở với ai. Anh N làm lao động tự do, chị Vân A làm công ty thu nhập của anh chị như thế nào thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa: Chị Tạ Vân A, anh Phạm Văn N vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt chị Vân A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N, giao con chung Phạm Văn H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Quang M cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn không chấp hành

đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Vân A được ly hôn anh Phạm Văn N. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Quang M, sinh ngày 05/10/2010 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu là Phạm Văn H, sinh ngày 13/12/2024 cho chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Vân A và anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết. Về án phí: Chị Tạ Vân A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Phạm Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, thành phố Hải Phòng và cư trú tại thôn C, xã T, thành phố Hải Phòng. Chị Vân A có đơn khởi kiện anh N. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các Điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung vụ án.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Vân A và anh Phạm Văn N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (*nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải Phòng*) vào năm 2009, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng bế tắc, thậm chí xảy ra xô sát. Tòa án tổ chức hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt, điều đó khẳng định anh cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của chị Vân A phù hợp với lời trình bày của bà C (mẹ đẻ chị Vân A) và đại diện chính quyền địa phương. Theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau...Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị không thực hiện

được các nghĩa vụ nêu trên. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Tạ Văn A được ly hôn anh Phạm Văn N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quang M, sinh ngày 05/10/2010 và Phạm Văn H, sinh ngày 13/12/2024, hiện con chung Phạm Văn H đang ở cùng chị Vân A, con chung Phạm Quang M đang ở cùng với anh N. Xem xét quan điểm của chị Vân A đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Phạm Văn H cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Quang M cho anh Phạm Văn N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào quy định của pháp luật, biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ chị Vân A) biên bản xác minh ngày 17/11/2025. Mặt khác, con chung là Phạm Văn H dưới 36 tháng tuổi hiện đang do chị Vân A nuôi dưỡng rất cần sự chăm sóc của người mẹ, con chung Phạm Quang M đang sống ổn định cùng anh N và có nguyện vọng được ở cùng bố nên HĐXX giao con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 13/12/2024 cho chị Vân A tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Quang M cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Tạ Văn A khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Tạ Văn A ly hôn anh Phạm Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Tạ Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 13/12/2024 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); Giao cho anh Phạm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Quang M, sinh ngày 05/10/2010 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Vân A, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Tạ Vân A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị Vân A đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu Ký hiệu: BLTU/25E số 0003570 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Tạ Vân A, anh Phạm Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã T, thành phố Hải Phòng *(Giấy CNKH số 74/12 ngày 31/12/2009 của UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương)*;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Bùi Quý Long